Agricultural Atlas of Viet Nam
A Depiction of the 2001 Rural Agriculture and Fisheries Census

Livestock – Ruminant Livestock

Cattle Density

According to the census there were more than 3.9 million head of cattle held by small farms in rural Vietnam in 2001. The highest densities, on average, are to be found in the South Central Coast, with 24 head per km^2, and in the North Central Coast, with 17 head per km^2. Average cattle densities in other regions (Northwest, Northeast, Central Highlands, Southeast and Mekong River Delta) are below 5 head per km^2.

There are several possible reasons for the uneven distribution shown in the map. These relate, for example, to availability of natural grazing areas, demand for cattle meat and milk, and cultural preferences.

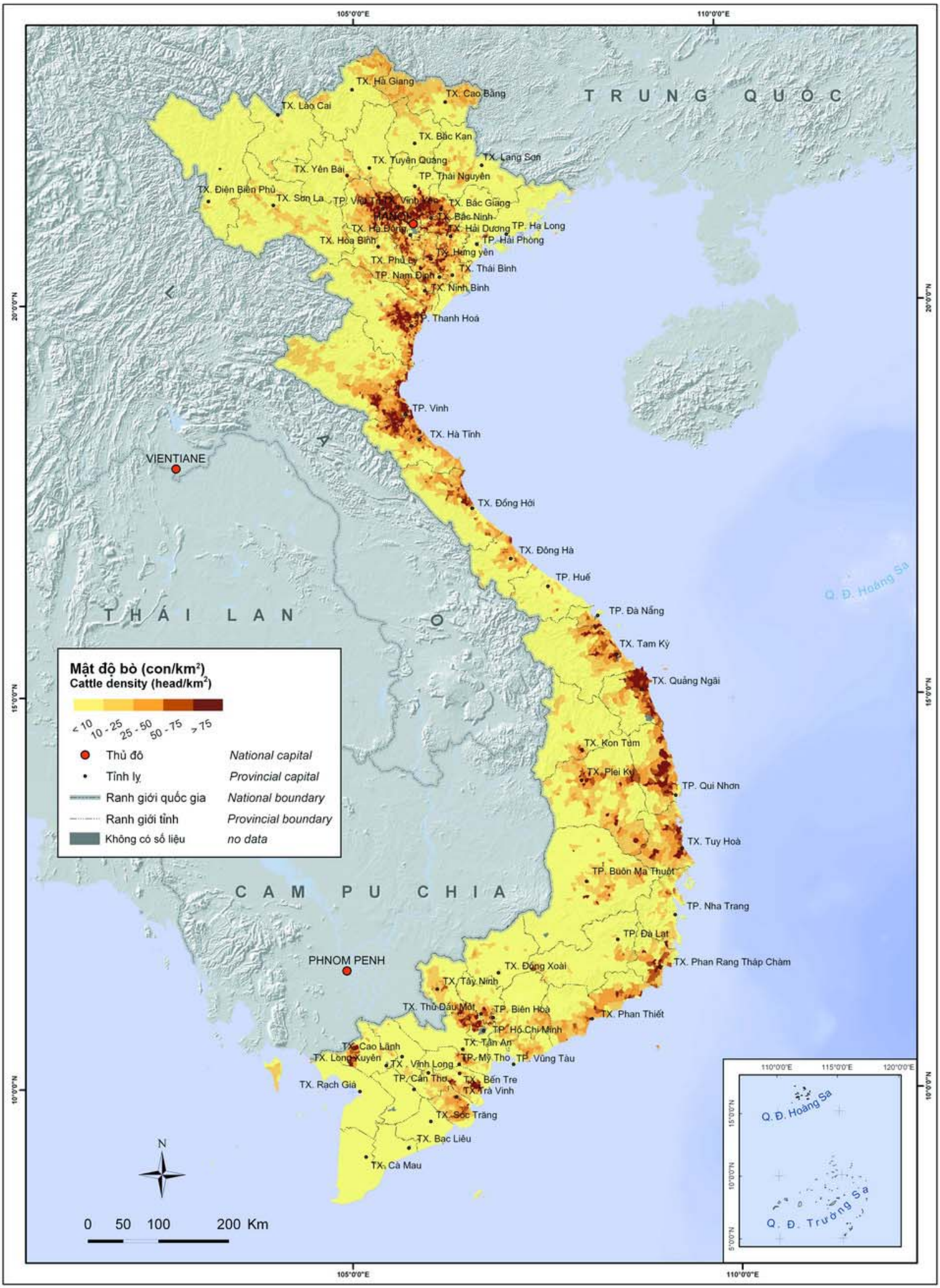
TRUNG QUỐC
THÁI LAN
CAM PU CHIA
LÀO
VIENTIANE
PHNOM PENH
HANOI
TX. Hà Giang
TX. Cao Bằng
TX. Lào Cai
TX. Bắc Kạn
TX. Tuyên Quang
TX. Lạng Sơn
TX. Yên Bái
TP. Thái Nguyên
TX. Điện Biên Phủ
TX. Sơn La
TP. Việt Trì
TX. Vĩnh Yên
TX. Bắc Giang
TX. Bắc Ninh
TX. Hà Đông
TX. Hải Dương
TP. Hạ Long
TX. Hòa Bình
TP. Hải Phòng
TX. Hưng yên
TX. Phủ Lý
TX. Thái Bình
TP. Nam Định
TX. Ninh Bình
TP. Thanh Hoá
TP. Vinh
TX. Hà Tĩnh
TX. Đồng Hới
TX. Đông Hà
TP. Huế
TP. Đà Nẵng
TX. Tam Kỳ
TX. Quảng Ngãi
TX. Kon Tum
TX. Plei Ku
TP. Qui Nhơn
TX. Tuy Hoà
TP. Buôn Ma Thuột
TP. Nha Trang
TP. Đà Lạt
TX. Phan Rang Tháp Chàm
TX. Đồng Xoài
TX. Tây Ninh
TX. Thủ Dầu Một
TP. Biên Hòa
TX. Phan Thiết
TP. Hồ Chí Minh
TX. Tân An
TX. Cao Lãnh
TX. Long Xuyên
TX. Vĩnh Long
TP. Mỹ Tho
TP. Vũng Tàu
TP. Cần Thơ
TX. Bến Tre
TX. Trà Vinh
TX. Rạch Giá
TX. Sóc Trăng
TX. Bạc Liêu
TX. Cà Mau
Q. Đ. Hoàng Sa
Q. Đ. Trường Sa
Mật độ bò (con/km²)
Cattle density (head/km²)
< 10
10 - 25
25 - 50
50 - 75
> 75
Thủ đô National capital
Tỉnh lỵ Provincial capital
Ranh giới quốc gia National boundary
Ranh giới tỉnh Provincial boundary
Không có số liệu no data
N
0 50 100 200 Km
105°0'0"E
110°0'0"E
115°0'0"E
120°0'0"E
20°0'0"N
15°0'0"N
10°0'0"N
5°0'0"N